TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2020/HS-ST

Ngày 27-02-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Việt

Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiên

Bà Đỗ Hồng Hạ

Ông Hoàng Lê Tâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Hứa Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 2 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thế M**, sinh ngày 17/10/1980; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: thôn Hợp N, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không;

Con ông: Trần Quốc V, sinh năm 1946 và con bà: Trần Thị T, sinh năm 1947; Có vợ 1: Trần Thị H (đã ly hôn): Có 01 con sinh năm 2003, Vợ thứ 2: Tạ Thị L, sinh năm 1997, có 01 con sinh năm 2018;

- Tiền sự: Không;

- Tiền án: Năm 2010, Bản án số 120 ngày 30/11/2010, chấp hành xong hình phạt về địa pH ngày 25/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lưu Ngọc T,** sinh ngày 22/02/1966; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: thôn C 1, xã H, huyện Y, Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không;

Con ông: Lưu Ngọc Q, sinh năm 1938 (Đã chết); và con bà: Nguyễn Thị X, sinh năm 1938; Có vợ: Bùi Thị Hải T, sinh năm 1968; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2005;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Năm 2017, bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Họ và tên: **Lưu Văn T1,** sinh ngày 18/10/1974; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: thôn C 1, xã H, huyện Y, Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không;

Con ông: Lưu Ngọc Q, sinh năm 1938 (Đã chết) và con bà: Nguyễn Thị X, sinh năm 1938; Có vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1978; Có 01 con sinh năm 2002.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Năm 2008, Bản án số 33 ngày 24/4/2008, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

+ Năm 2011, Bản án số 76 ngày 26/7/2011, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Hà Văn S, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 33, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Lưu Văn L, sinh năm 1965

Nơi cư trú: thôn C 1, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

3. Vi Cao K, sinh năm 1980

Nơi cư trú: xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh S, K, L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Vi Trọng T2, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Xóm 19, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt, hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác)

5. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn 14, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

6. Nguyễn Cao C, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

7. Nguyễn Thế C, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh Q, C, C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài L có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01/2019 đến ngày 13/5/2019, Trần Thế M đã nhiều lần mua ma túy về sử dụng và bán trái phép chất ma túy cho Lưu Ngọc T, Lưu Văn T1 là các bị cáo trong cùng vụ án và Hà Văn S là người liên quan trong vụ án. Sau đó Lưu Ngọc T và Lưu Văn T1 đã nhiều lần bán ma túy cho người khác, cụ thể như sau:

1. Hành vi Mua bán trái phép ma túy của Trần Thế M

Lần 1: Trong tháng 01/2019 (ngày không nhớ), Trần Thế M đi xuống khu vực chợ T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc để tìm mua ma túy, M gặp và mua của một người phụ nữ tên là H (không biết địa chỉ cụ thể) một gói ma túy với giá 30.000.000 đồng.

Cuối tháng 01/2019, Lưu Ngọc T điện thoại hỏi M "Còn hàng không?", ý hỏi có ma túy không, M hỏi "Mua bao nhiêu?", T nói mua 20.000.000 đồng, M nói với số tiền đó mua được 05 chỉ ma túy (01 chỉ tương đương là 3,75 gam, 05 chỉ = 18,75 gam) và hẹn gặp nhau tại nhà T để giao ma túy. Sau đó M lấy gói ma túy ra san lấy một cục và gói bằng giấy nilon màu trắng, quấn nilon màu đen cho vào túi quần, điều khiển xe môtô biển số 21B1-847.70 nhãn hiệu Honda Dream đi đến nhà T (xe môtô của M), M lấy gói ma túy đưa cho T, T đưa cho M 20.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 09 giờ, cuối tháng 01/2019 (sau lần bán ma túy cho T khoảng 02 ngày), Lưu Văn T11 điện thoại hỏi M mua 6.000.000 đồng ma túy, M nói với số tiền đó mua được 01 chỉ (tương đương 3,75 gam) và hẹn gặp nhau tại nhà T1 để giao ma túy. Sau đó M lấy gói ma túy ra san lấy một cục và gói bằng giấy nilon màu trắng, quấn một lượt nilon màu đen cho vào túi quần, điều khiển xe môtô biển số 21B1-847.70 nhãn hiệu Honda Dream đi đến nhà T1, M lấy gói ma túy đưa cho T1, T1 đưa cho M 6.000.000 đồng.

Lần 3: Trong tháng 04/2019 (ngày không nhớ), Trần Thế M đi xuống khu vực chợ T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc để mua ma túy, M gặp và mua của một người phụ nữ tên là H (không biết địa chỉ cụ thể) một gói ma túy với giá 29.000.000 đồng.

Cuối tháng 4/2019, Lưu Ngọc T điện thoại hỏi M mua 18.000.000 đồng ma túy, M nói với số tiền đó mua được 05 chỉ (tương đương 18,75 gam) và hẹn gặp nhau tại nhà T để giao ma túy. Sau đó M lấy gói ma túy ra san lấy một cục và gói bằng giấy nilon màu trắng, quấn một lượt nilon màu đen cho vào túi quần, điều khiển xe môtô biển số 21B1-847.70 nhãn hiệu Honda Dream đi đến nhà T, M lấy gói ma túy đưa cho T, T đưa cho M 18.000.000 đồng. Khoảng 04 ngày sau M sang nhà T và đưa cho T 03 viên ma túy tổng hợp để bán.

Lần 4: Khoảng 09 giờ (ngày không nhớ), cuối tháng 4/2019 (sau lần bán ma túy cho T một đến hai ngày), Lưu Văn T11 gọi điện hỏi mua 6.000.000 đồng ma túy, M nói với số tiền đó mua được 1,5 chỉ (tương đương 5,625 gam) và hẹn gặp nhau tại nhà T1 để giao ma túy. Sau đó M lấy gói ma túy ra san lấy một cục và gói bằng giấy nilon màu trắng, quấn một lượt nilon màu đen cho vào túi quần, điều khiển xe môtô biển số

21B1-847.70 nhãn hiệu Honda Dream đi đến nhà T1, M lấy gói ma túy đưa cho T1, T1 đưa cho M 6.000.000 đồng.

Lần 5: Khoảng 14 giờ ngày 13/5/2019, M nhận được điện thoại của Hà Văn S hỏi mua 4.000.000 đồng ma túy, M đồng ý và hẹn S đến khu vực cầu Bỗng thuộc xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái để giao ma túy. M lấy 03 gói ma túy (đã chia ra từ trước) cho vào túi quần, điều khiển xe môtô biển số 21B1-847.70 nhãn hiệu Honda Dream đến nơi hẹn nhưng không thấy S, M gọi điện cho S thì S nói đang có việc bận chưa sang đến nơi. Sau đó M điều khiển xe môtô đến nhà Trần Thị H (bạn của M) trú tại thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái khi H không có mặt ở nhà, M vào nhà và lấy một gói ma túy giấu vào chân giầy để trong buồng nhà H. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, M nhận được điện thoại của S và hẹn gặp nhau tại khu vực đồi chè thuộc xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. M cho hai gói ma túy vào bao thuốc lá Thăng Long để trong túi quần và điều khiển xe môtô đến thôn 15, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang thì bị Tổ công tác của Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật và tạm giữ 1.000.000 đồng (kết quả xét nghiệm Trần Thế M dương tính (+) có chất ma túy trong cơ thể).

Hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị H, phát hiện thu giữ 01 gói ma túy trong giầy ở buồng nhà H (của M cất giấu nhưng H không biết).

Tại Bản kết luận giám định số 353/GĐKTHS ngày 15/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Số chất bột vón cục màu trắng ngà trong 02 gói nhỏ thu giữ của Trần Thế M gửi đến giám định là chất ma túy, loại Heroine (Hêrôin), số thứ tự 09 thuộc danh mục IA, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, có khối lượng 7,954 gam (Bảy phẩy chín năm tư gam).

Tại Bản kết luận giám định số 356/GĐKTHS ngày 15/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Số chất bột vón cục màu trắng ngà trong gói nhỏ thu giữ của Trần Thế M gửi đến giám định là chất ma túy, loại Heroine (Hêrôin), số thứ tự 09 thuộc danh mục IA, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, có khối lượng 6,471 gam (Sáu phẩy bốn bảy một gam).

2. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Lưu Ngọc T

Số ma túy T mua của M 02 lần trong tháng 01 và tháng 4/2019, T chia ra làm nhiều gói nhỏ mục đích để sử dụng và bán cho người nghiện ma túy, cụ thể:

Lần 1: Cuối tháng 4/2019, Nguyễn Thế C, trú tại thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đang đi bộ gần nhà T, gặp T, C hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T bảo C đứng chờ, khoảng 10 phút sau T quay lại đưa cho C 01 gói nhỏ ma túy được gói bằng giấy bạc màu vàng, C đưa cho T 200.000 đồng. Sau đó C sử dụng hết số ma túy mua được bằng hình thức đốt hít vào cơ thể.

Lần 2: Đầu tháng 5/2019, T đang ở nhà thì Vi Cao K, trú tại xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang điện thoại hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T đồng ý và bảo K đến nhà. K đến gặp T đang đứng trước cửa nhà, T đưa cho K 01 gói nhỏ ma túy

được gói bằng giấy bạc màu vàng, K đưa cho T 200.000 đồng. Sau đó K sử dụng hết số ma túy mua được bằng hình thức đốt hít vào cơ thể.

Lần 3: Ngày 11/5/2019, T đang ở nhà thì Vi Trọng T2, trú tại xóm 19, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đến hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T đồng ý. T2 đưa cho T 200.000 đồng, T đưa cho T2 01 gói nhỏ ma túy được gói bằng giấy bạc màu vàng. Sau đó T2 sử dụng hết số ma túy mua được bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể.

Lần 4: Ngày 12/5/2019, T đang ở nhà thì Nguyễn Văn Q, trú tại thôn 14, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang gọi điện hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T đồng ý. Q đến cách nhà T khoảng 100m thì gặp T, T đưa cho Q một gói nhỏ ma túy được gói bằng giấy bạc màu vàng, Q đưa cho T 200.000 đồng. Sau đó Q sử dụng hết số ma túy mua được bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể.

Lần 5: Ngày 13/5/2019, T đang ở nhà thì Nguyễn Cao C, trú tại xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang gọi điện hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T đồng ý. C đến, T đưa cho C 01 gói nhỏ ma túy được gói bằng giấy bạc màu vàng, C đưa cho T 200.000 đồng. Sau đó C sử dụng hết số ma túy mua được bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể.

Hồi 07 giờ 20 phút ngày 14/5/2019, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, Tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang phát hiện lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang đối với Lưu Ngọc T đang tàng trữ trái phép chất ma túy trên xe ôtô biển số 22A-013.10 nhãn hiệu Kia Porte (xe của Lưu Quốc H, con trai T) 01 gói ma túy được gói bằng giấy bạc màu vàng tại miếng lót phía trước tay lái của xe ôtô (kết quả xét nghiệm Lưu Ngọc T dương tính (+) có chất ma túy trong cơ thể).

Hồi 08 giờ 50 phút cùng ngày, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật, tài sản nhà Lưu Ngọc T, phát hiện và thu giữ 01 lọ nhựa màu trắng, bên ngoài dán giấy màu xanh có ghi chữ "Gai Xương" bên trong lọ có 87 gói nhỏ ma túy đều được gói bằng giấy bạc màu vàng và 03 viên nén màu hồng; 01 hộp sắt hình vuông màu đỏ bên trong có một kéo cán nhựa màu xanh; 03 bật lửa màu đỏ; 01 mảnh nilon màu xanh; 52 mảnh giấy hình vuông; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 20.480.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 354/GĐKTHS ngày 16/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

+ Số chất bột vón cục màu trắng ngà trong 88 gói nhỏ thu giữ của Lưu Ngọc T gửi đến giám định là chất ma túy, loại Heroine (Hêrôin), số thứ tự 09 thuộc danh mục IA, Nghị định 73/2018/NĐ - CP ngày 15/5/2018, có khối lượng 12,607 gam (Mười hai phẩy sáu không bảy gam).

+ 03 viên ném màu hồng, một mặt có in "WV" trong gói nhỏ thu giữ của Lưu Ngọc T gửi đến giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, số thứ tự 323 thuộc danh mục IIC Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, có khối lượng 0,298 gam (Không phẩy hai chín tám gam).

3. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Lưu Văn T1

Số ma túy T1 mua của M 02 lần trong tháng 01 và tháng 4/2019, T1 chia ra làm nhiều gói nhỏ mục đích để sử dụng và bán cho người nghiện ma túy, cụ thể:

Lần 1: Cuối tháng 4/2019, T1 đang ở nhà thì Vi Cao K, trú tại xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang gọi điện hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T1 đồng ý và bảo K đến nhà, T1 đưa cho K 01 gói nhỏ ma túy được gói bằng giấy bạc màu vàng, K đưa cho T1 200.000 đồng. Sau đó K sử dụng hết số ma túy mua được bằng hình thức đốt hít vào cơ thể.

Lần 2: Ngày 03/5/2019, T1 đang ở nhà thì Lưu Văn L, trú tại thôn C 1, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đến hỏi mua 200.000 đồng ma túy và đưa cho T1 200.000 đồng, T1 đưa cho L 01 gói nhỏ ma túy được gói bằng giấy bạc màu vàng. Sau đó L sử dụng hết số ma túy mua được bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể.

Lần 3: Ngày 12/5/2019, T1 đang ở nhà thì Nguyễn Cao C, trú tại xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đến hỏi mua 200.000 đồng và đưa cho T1 số tiền 200.000 đồng, T1 đưa cho C 01 gói nhỏ ma túy được gói bằng giấy bạc màu vàng. Sau đó C sử dụng hết số ma túy mua được bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể.

Lần 4: Ngày 13/5/2019, T1 đang ở nhà thì Vi Trọng T2, trú tại xóm 19, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đến hỏi mua 300.000 đồng ma túy và đưa cho T1 300.000 đồng, T1 đưa cho T2 01 gói nhỏ ma túy được gói bằng giấy bạc màu vàng. Sau đó T2 sử dụng hết số ma túy mua được bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể.

Hồi 10 giờ 40 phút ngày 14/5/2019, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật và tài sản nhà Lưu Văn T1, phát hiện và thu giữ 25 gói nhỏ ma túy được gói bằng giấy nilon màu vàng, 01 hộp sắt bên trong có một cân tiểu ly điện tử màu đen, 10 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và 19.150.000 đồng (kết quả xét nghiện Lưu Văn T1 dương tính (+) có chất ma túy trong cơ thể).

Tại Bản kết luận giám định số 355/GĐKTHS ngày 16/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Số chất bột vón cục màu trắng ngà trong 25 gói nhỏ thu giữ của Lưu Văn T1 gửi đến giám định là chất ma túy, loại Heroine (Hêrôin), số thứ tự 09 thuộc danh mục IA, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, có khối lượng 3,230 gam (Ba phẩy hai ba không gam).

Như vậy, từ tháng 01/2019 đến ngày 13/5/2019, Trần Thế M đã 05 lần bán heroine trái phép với tổng khối lượng là 55,127 gam (theo lời khai bị cáo, quy đổi 01 chỉ = 3,75 gam). Trong đó: Bán cho Lưu Ngọc T 02 lần, tổng khối lượng là 37,5 gam, với số tiền là 38.000.000 đồng, cho T 03 viên Methamphetamine có khối lượng là 0,298 gam; bán cho Lưu Văn T1 02 lần, tổng khối lượng là 9,375 gam, với số tiền 12.000.000 đồng và số heroine để bán cho Hà Văn S có khối lượng là 7,954 gam, số heroine M cất giấu trong nhà Trần Thị H có khối lượng là 6,471 gam tàng trữ nhằm mục đích bán. Tổng khối lượng heroine đã bán, nhằm mục đích bán và cho là 61,698 gam (trong đó Heroine 61,4 gam, Methamphetamine 0,298 gam). Tổng số tiền bán heroine là 50.000.000 đồng.

Tổng khối lượng heroine T mua của M là 37,798 gam, đã sử dụng và bán 05 lần với tổng số tiền 1.000.000 đồng, số heroine còn lại bị thu giữ là 12,905 gam (trong đó heroine 12,607 gam, Methamphetamine 0,298 gam), tàng trữ nhằm mục đích để bán.

Tổng khối lượng heroine T1 mua của M là 9,375 gam, đã sử dụng và bán 04 lần với tổng số tiền 900.000 đồng, số heroine còn lại bị thu giữ là 3,230 gam bị cáo tàng trữ nhằm mục đích để bán.

Tại Bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-P1 ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo **Trần Thế M, Lưu Ngọc T** về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo **Lưu Văn T1** về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm luận tội và đề nghị như sau:

Căn cứ kết quả điều tra và xét hỏi tại phiên toà, xác định:

- Đối với Trần Thế M:

+ Về số tiền: Đã bán ma túy cho Lưu Ngọc T 02 lần = 18.000.000 đồng (lần 1 với số tiền 10 triệu đồng, lần 2 với số tiền 8 triệu đồng); bán cho T1 02 lần = 12.000.000 đồng. Tổng số tiền bán ma túy là 30.000.000 đồng.

+ Khối lượng ma túy còn lại đã thu giữ quy kết đối với M:

Bắt quả tang và khám xét thu giữ của M **14,425 gam** heroine + Thu giữ của T do M bán và cho để bán **0,298 gam** Methamphetamine + **12,607 gam** heroine + Thu giữ của T1 do M bán **3,230 gam**. Tổng khối lượng heroine còn lại, thu giữ được, quy kết đối với M là **30,560 gam**.

- Đối với Lưu Ngọc T, quy kết số ma túy còn lại bị thu giữ là **0,298 gam** Methamphetamine + **12,607 gam** heroine = **12,895 gam**.

- Đối với Lưu Văn T1 quy kết số ma túy còn lại bị thu giữ là **3,230 gam** heroine.

Do đó, căn cứ Điều 266, Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang quyết định rút một phần nội dung đã truy tố tại Bản cáo trạng số 04 ngày 20/01/2020, truy tố đối với các bị cáo như sau:

- Trần Thế M về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 251 Bộ luật hình sự.

- Lưu Ngọc T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, i, khoản 2, Điều 251 Bộ luật hình sự.

- Lưu Văn T1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 251 Bộ luật hình sự.

Về hành vi bán ma túy của Lưu Ngọc T và Lưu Văn T1, giữ nguyên như nội dung Cáo trạng đã quy kết đối với các bị cáo.

Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Thế M, Lưu Ngọc T, Lưu Văn T1 về tội danh như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Về hình phạt, đề nghị xét xử các bị cáo như sau:

- Bị cáo **Trần Thế M**: Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm g và đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Trần Thế M từ 16 năm đến 17 năm tù. Hạn từ tính từ ngày 13/5/2019. Phạt tiền từ 20 triệu đến 30 triệu đồng

- Bị cáo **Lưu Ngọc T**: Áp dụng điểm b điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lưu Ngọc T từ 8 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù. Hạn từ tính từ ngày 14/5/2019. Phạt tiền từ 10 triệu đến 15 triệu đồng.

- Bị cáo Lưu Văn T1: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: **Lưu Văn T1** từ 07 năm 06 tháng đến năm 8 năm 06 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 14/5/2019. Phạt tiền từ 05 triệu đến 07 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại các tài sản thu giữ gồm:

+ Trả lại cho anh Hà Văn S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, vỏ nhựa màu xanh đen, có số IMEI1: 354083091244325, số IMEI2: 354083091244333, lắp 02 sim, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Thế M: 01 chứng minh nhân dân số 060669090; 01 giấy phép lái xe hạng A1 150171000449; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy số 0254956 đều mang tên Trần Thế M.

+ Trả lại cho bị cáo Lưu Ngọc T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen bạc, có số IMEI 352022077014171, lắp 01 Sim. Điện thoại cũ đã qua sử dụng có vỏ bọc bằng nhựa màu đen, không kiểm tra chất lượng điện thoại, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; 01 giấy chứng minh nhân dân số 070534102; 01 thẻ điều trị -M số 08030106; 01 giấy phép lái xe hạng C số 080892000043 đều mang tên Lưu Ngọc T.

+ Trả lại cho bị cáo Lưu Văn T1: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen, có số IMEI: 353412/04/022295/3, lắp 01 Sim. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại. Ký hiệu "T", nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng trắng, có số IMEI 359316060404636, lắp 01 Sim, có vỏ bọc nhựa màu đen, mặt kính C lực bị vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án. 01 thẻ điều trị -M số 08032015 mang tên Lưu Văn T1.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Trần Thế M: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen, có số IMEI: 353408/04/669511/8, lắp 01 Sim. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại. Ký hiệu "M", nhưng tạm giữ giữ để đảm bảo thi hành án. 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, mang biển kiểm soát: 21B1-847.70, số máy: SMHA08E-1456095, số máy RLHHA080XAY156070, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng xe; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 102191; giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy số 90423688; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Các vật chứng còn lại tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật, tình trạng, đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 22/01/2020.

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền do phạm tội mà có của các bị cáo như sau:

+ Bị cáo Trần Thế M: Bán cho T và T1 thư được 30.000.000 đồng.

+ Bị cáo Lưu Ngọc T: Bán cho 05 người, thu được 1.000.000 đồng.

+ Bị cáo Lưu Văn T1: Bán cho 04 người, thu được 900.000 đồng.

- Về số tiền thu giữ của các bị cáo:

+ Bị cáo Trần Thế M bị thu giữ 1.000.000 đồng, Lưu Ngọc T bị thu giữ 20.480.000 đồng; Lưu Văn T1 bị thu giữ 19.150.000 đồng do không có tài L chứng minh do phạm tội mà có hoặc sử dụng để phạm tội, nên trả cho các bị cáo nhưng tạm giữ để thi hành án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt tù và hình phạt bổ sung so với đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài L trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng**: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] **Về áp dụng pháp luật để xác định tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo**: Các bị cáo Trần Thế M, Lưu Ngọc T và Lưu Văn T1 khai nhận việc giao dịch, mua bán ma túy về số lần, số tiền đã sử dụng, công nhận số ma túy bị thu giữ đã được giám định xác định khối lượng là đồng nhất và có đủ căn cứ để xác định khối lượng ma túy của từng bị cáo còn lại.

Trong đó: Trần Thế M tại bản kết luận điều tra và Cáo trạng quy kết đã mua của người tên là Hoa 02 lần với số tiền 58.000.000 đồng, Trần Thế M đã đã 05 lần bán heroine trái phép với tổng khối lượng là 55,127 gam (theo lời khai bị cáo, quy đổi 01 chỉ = 3,75 gam). Trong đó: Bán cho Lưu Ngọc T 02 lần, tổng khối lượng là 37,5 gam, với số tiền là 38.000.000 đồng, cho T 03 viên Methamphetamine có khối lượng là 0,298 gam; bán cho Lưu Văn T1 02 lần, tổng khối lượng là 9,375 gam, với số tiền

12.000.000 đồng và số heroine để bán cho Hà Văn S có khối lượng là 7,954 gam, số heroine M cất giấu trong nhà Trần Thị H có khối lượng là 6,471 gam tàng trữ nhằm mục đích bán. Tổng khối lượng heroine đã bán, nhằm mục đích bán và cho là 61,698 gam (trong đó Heroine 61,4 gam, Methamphetamine 0,298 gam). Tổng số tiền bán heroine là 50.000.000 đồng.

Bị cáo T mua của M đã sử dụng và bán 05 lần với tổng số tiền 1.000.000 đồng, số heroine còn lại bị thu giữ là 12,905 gam (trong đó heroine 12,607 gam, Methamphetamine 0,298 gam), tàng trữ nhằm mục đích để bán.

Bị cáo T1 mua của M đã sử dụng và bán 04 lần với tổng số tiền 900.000 đồng, số heroine còn lại bị thu giữ là 3,230 gam bị cáo tàng trữ nhằm mục đích để bán.

Tại phiên tòa này đại diện Viện kiểm sát rút một phần nội dung truy tố, đề nghị xét xử các bị cáo theo nội dung như đã nêu trên là có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ kết quả Điều tra, thu giữ vật chứng và các chứng cứ được thu thập của Cơ quan điều tra và kết quả giám định, có căn cứ xác định:

Đối với Trần Thế M đã khai bán cho T 2 lần, bán cho M 02 lần là phù hợp với lời khai của Lưu Ngọc T và Lưu Văn T1 về số lần và số tiền trao đổi, mua bán ma túy, trong đó: **T** mua của M 02 lần số tiền là 18.000.000 đồng**,** đã chia thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và bán nhiều lần, số còn lại bị thu giữ là 12,905 gam (trong đó heroine 12,607 gam, Methamphetamine 0,298 gam); T1 khai nhận mua của M 02 lần số tiền là 12.000.000 đồng, đã chia thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và bán nhiều lần và bị thu giữ số heroine còn lại là 3,230 gam; M đã đưa đi để bán cho **Hà Văn S** có khối lượng là 7,954 gam; số heroine M đã đem đi sau khi nhận lời bán cho S, nhưng giữa đường cất giấu trong nhà Trần Thị H có khối lượng là 6,471 gam tàng trữ vì mục đích bán, Tổng cộng **30,560 gam** (12,905g + 7,954g + 6,471g +3,230g) là đủ khối lượng từ 30 gam trở lên. Do đó, Viện kiểm sát đã truy tố, sau khi rút một phần truy tố nhưng phần còn lại đề nghị xét xử đối với Trần Thế M theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự và các tình tiết thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g và đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với Lưu Ngọc T khai 02 lần mua của Trần Thế M với số tiền 18.000.000 đồng, ngoài số đã bán 05 lần cho người khác, số còn lại bị thu giữ là 12,905 gam (trong đó heroine 12,607 gam, Methamphetamine 0,298 gam). Do đó, Viện kiểm sát đã truy tố, sau khi rút một phần truy tố nhưng phần còn lại để truy tố và đề nghị xét xử đối với Lưu Ngọc T theo điểm b, điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Lưu Văn T1 khai 02 lần mua của Trần Thế M với tổng số tiền 12.000.000 đồng, ngoài số đã bán 05 lần cho người khác và đã sử dụng, số heroine còn lại bị thu giữ là 3,230 gam, tàng trữ nhằm mục đích để bán. Do đó, Viện kiểm sát đã truy tố, sau khi rút một phần truy tố nhưng phần còn lại để truy tố và đề nghị xét xử đối với Lưu Văn T1 theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với khối lượng ma túy quy đổi do các bị cáo khai nhận (bị cáo M 61.598g - 30,560g = 31,038 gam; bị cáo T: 37,798g -12,905g = 24,893 gam; Bị cáo T1 9,375g - 3,230g = 6, 145 gam) đều do các bị cáo khai nhận về việc trao đổi khi thỏa thuận mua

bán theo đơn vị "Chỉ", nhưng khi giao nhận không cân, việc cân thử do các bị cáo tự thực hiện và khai theo "khoảng' và không do các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của Luật TTHS; mặt khác, việc tính toán quy đổi 01 chỉ = 3,75 gam do cơ quan điều tra thực hiện việc quy đổi đơn vị đo lường trên cơ sở lời khai của các bị cáo khi không có chứng cứ bổ trợ, nên tại phiên tòa Viện kiểm sát đã rút một phần nội dung truy tố về các khối lượng nêu trên, truy tố đối với các bị cáo: **Trần Thế M** theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; **Lưu Ngọc T** theo các điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; **Lưu Văn T1** theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Trần Thế M là người đã 04 lần đã bán ma túy cho Lưu Ngọc T và Lưu Văn T1, cho T 03 viên Methaphetamin; 01 lần trên đường bán ma túy cho Hà Văn S nhưng để lại nhà H 1 phần, còn bị bắt quả tang, nên đủ căn cứ quy kết bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên với vai trò là người chịu trách nhiệm với toàn bộ số ma túy còn lại bị quy kết của tất cả các bị cáo trong vụ án, là người phạm tội khi đang có tiền án về tội rất nghiêm trọng nên coi là tái phạm nguy hiểm; số tiền thu lợi trong vụ án lớn, nên Trần Thế M là người chịu trách nhiệm chính trọng vụ án, xét tổng thể các dấu hiệu về nhân thân, vai trò, vị trí trong vụ án và mức độ phạm tội của bị cáo, Trần Thế M phải chịu mức án cao hơn mức khởi điểm được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 BLHS như Viện kiểm sat đề nghị là thỏa đáng.

Lưu Ngọc T là người có 05 lần bán ma túy cho người khác, số ma túy mua của Trần Thế M đến 18.000.000 đồng là nhiều hơn so với bị cáo T1, số ma túy nhiều hơn và còn lại 12,905 gam là trên mức 05 gam làm căn cứ áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, bị cáo T tuy chưa bị kết án nhưng đã từng bị xử phạt hành chính nên bị cáo phạm tội khi có nhân thân xấu, nên cần xét xử bị cáo mức án cao hơn mức khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Lưu Văn T1 là người có 05 lần bán ma túy cho người khác, số ma túy mua của Trần Thế M đến 12.000.000 đồng là nhiều, số còn là 3,230 gam, bị cáo T1 tuy không bị coi là tái phạm nhưng đã từng bị kết án 02 lần nên bị cáo phạm tội khi có nhân thân rất xấu, nên cần xét xử bị cáo mức án cao hơn mức khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo Trần Thế M có căn cứ xác định có tình tiết "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "Có bố, mẹ được tặng Huân chương kháng chiến" nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lưu Ngọc T và bị cáo Lưu Văn T1 có tình tiết "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm" và "Có bố, mẹ được tặng Huân chương kháng chiến" được quy định tại điểm s, t, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự, xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có tình tiết

có ý nghĩa trong việc phát hiện, đấu tranh phòng chống tội phạm, nên cho các bị cáo hưởng mức thấp trong mức đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Các tài sản thu giữ của các bị cáo gồm:

+ Thu của Hà Văn S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, vỏ nhựa màu xanh đen, có số IMEI1: 354083091244325, số IMEI2: 354083091244333, lắp 02 sim, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại, trả cho chủ sở hữu.

+ Thu của bị cáo Trần Thế M: Các loại giấy tờ gồm: 01 chứng minh nhân dân số 060669090; 01 giấy phép lái xe hạng A1 150171000449; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy số 0254956 trả cho bị cáo.

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, mang biển kiểm soát: 21B1-847.70, số máy: SMHA08E-1456095, số máy RLHHA080XAY156070, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng xe; kèm theo 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 102191; giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy số 90423688 đều mang tên Trần Thế M, 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen, có số IMEI: 353408/04/669511/8, lắp 01 Sim. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại. Ký hiệu "M" do đã sử dụng nhiều lần vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Thu của bị cáo Lưu Ngọc T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen bạc, có số IMEI 352022077014171, lắp 01 Sim. Điện thoại cũ đã qua sử dụng có vỏ bọc bằng nhựa màu đen, không kiểm tra chất lượng điện thoại, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án. Các loại giấy tờ: 01 giấy chứng minh nhân dân số 070534102; 01 thẻ điều trị -M số 08030106; 01 giấy phép lái xe hạng C số 080892000043 đều mang tên Lưu Ngọc T trả lại cho bị cáo.

+ Thu của bị cáo Lưu Văn T1: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen, có số IMEI: 353412/04/022295/3, lắp 01 Sim. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại. Ký hiệu "T"; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng trắng, có số IMEI 359316060404636, lắp 01 Sim, có vỏ bọc nhựa màu đen, mặt kính cường lực bị vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo 01 thẻ điều trị -M số 08032015 mang tên Lưu Văn T1.

- Các vật chứng còn lại tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật, tình trạng, đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 22/01/2020.

4.2. Về số tiền thu giữ của các bị cáo và tiền do các bị cáo phạm tội mà có:

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền do phạm tội mà có của các bị cáo như sau:

+ Bị cáo Trần Thế M: Bán cho T và T1 thu được 30.000.000 đồng.

+ Bị cáo Lưu Ngọc T: Bán cho 05 người, thu được 1.000.000 đồng.

+ Bị cáo Lưu Văn T1: Bán cho 04 người, thu được 900.000 đồng.

- Về số tiền thu giữ của các bị cáo:

+ Bị cáo Trần Thế M bị thu giữ 1.000.000 đồng, Lưu Ngọc T bị thu giữ 20.480.000 đồng; Lưu Văn T1 bị thu giữ 19.150.000 đồng do không có tài L chứng minh do phạm tội mà có hoặc sử dụng để phạm tội, nên trả cho các bị cáo nhưng tạm giữ để thi hành án (Số tiền trên hiện đang được giữ tài tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang).

[5] Về các người liên quan trong vụ án:

Đối với hành vi hỏi mua ma túy của Hà Văn S với Trần Thế M, nhưng chưa thực hiện giao dịch mua bán ma túy nên hành vi không cấu thành tội phạm, vì vậy không đề cập xử lý.

Đối với Trần Thị H do không biết Trần Thế M cất giấu ma túy ở nhà H (ngày 13/5/2019), nên không đề cập xử lý.

Đối với người tên Hbán ma túy cho Trần Thế M, quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với hành vi sử dụng ma túy trái phép của Trần Thế M, Lưu Ngọc T, Lưu Văn T1, Hà Văn S, Nguyễn Cao C, Vi Cao K, Vi Trọng T2, Nguyễn Thế C, Nguyễn Văn Q và Lưu Văn L - Công an huyện Y và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang đã ra quyết định xử phạt hành chính tại các Quyết đinh số 178, 179, 180, 181, 182, 183, 185 ngày 21/5/2019, hình thức phạt tiền và số 31, 32, 33 ngày 12/9/2019, hình thức phạt cảnh cáo là thỏa đáng.

[6] Các bị cáo Trần Thế M, Lưu Ngọc T, Lưu Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Về trách nhiệm hình sự:** Căn cứ Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo: **Trần Thế M, Lưu Ngọc T và Lưu Văn T1** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

1.1. Căn cứ: điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; điểm g và đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trần Thế M** 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 13/5/2019.

Phạt tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* để sung quỹ nhà nước.

1. 2. Căn cứ: điểm b khoản 2 khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Lưu Ngọc T** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 14/5/2019. Phạt tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* để sung quỹ nhà nước.

1. 3. Căn cứ: điểm b khoản 2 khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Lưu Văn T1** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 14/5/2019. Phạt tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* để sung quỹ nhà nước.

[2]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1. Xử lý các tang vật, tài sản thu giữ gồm:

+ Trả lại cho anh **Hà Văn S**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, vỏ nhựa màu xanh đen, có số IMEI1: 354083091244325, số IMEI2: 354083091244333, lắp 02 sim, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

+ Trả lại cho bị cáo **Trần Thế M**: 01 chứng minh nhân dân số 060669090; 01 giấy phép lái xe hạng A1 150171000449; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy số 0254956 đều mang tên Trần Thế M.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của **Trần Thế M**: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen, có số IMEI: 353408/04/669511/8, lắp 01 sim. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại. Ký hiệu "M"; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, mang biển kiểm soát: 21B1-847.70, số máy: SMHA08E-1456095, số máy RLHHA080XAY156070, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng xe, kèm theo các giấy tờ xe: 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 102191; giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy số 90423688 đều mang tên Trần Thế M.

+ Trả lại cho bị cáo **Lưu Ngọc T**: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen bạc, có số IMEI 352022077014171, lắp 01 Sim, điện thoại cũ đã qua sử dụng có vỏ bọc bằng nhựa màu đen, không kiểm tra chất lượng điện thoại nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án; 01 giấy chứng minh nhân dân số 070534102; 01 thẻ điều trị -M số 08030106; 01 giấy phép lái xe hạng C số 080892000043 đều mang tên Lưu Ngọc T.

+ Trả lại cho bị cáo **Lưu Văn T1**: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen, có số IMEI: 353412/04/022295/3, lắp 01 sim. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại. Ký hiệu "T"; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng trắng, có số IMEI 359316060404636, lắp 01 Sim, có vỏ bọc nhựa màu đen, mặt kính C lực bị vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng điện thoại, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án; 01 thẻ điều trị -M số 08032015 mang tên Lưu Văn T1.

2.2. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

1. 01 (một) bì niêm phong màu trắng, mặt trước bì niêm phong ghi chữ Tang vật vụ Lưu Ngọc T, giám định ngày 14/5/2019 bằng mực màu xanh, mặt sau bì niêm phong có chữ ký của Lưu Ngọc T và Trần Quốc K cùng 05 hình dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ở các mép dán bì niêm phong.

2. 01 (một) bì niêm phong màu trắng, mặt trước bì niêm phong ghi chữ Tang vật vụ Trần Thế M, giám định ngày 13/5/2019 bằng mực màu đen, mặt sau bì niêm phong có chữ ký của Trần Thế M và Trần Quốc K cùng 05 hình dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ở các mép dán bì niêm phong.

3. 01 (một) bì niêm phong màu trắng, mặt trước bì niêm phong ghi chữ Tang vật vụ Trần Thế M, giám định ngày 14/5/2019 bằng mực màu xanh, mặt sau bì niêm phong có chữ ký của Trần Thế M và Trần Quốc K cùng 05 hình dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ở các mép dán bì niêm phong.

4. 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì niêm phong có ký hiệu A1, ghi chữ Tang vật vụ Lưu Văn T1, ngày 27/8/2019 bằng mực màu đen, mặt sau bì niêm phong có chữ ký của điều tra viên: Hoàng Trường B; Kiểm sát viên: Hứa Văn T; Giám định viên: Trần Quốc Kvà chữ ký của bị can Lưu Văn T1 cùng 05 hình dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ở các mép dán bì niêm phong.

5. 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì niêm phong có ghi số: 5015/C09 (TT2) và chữ Kính gửi: Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Tuyên Quang (PC04), mặt sau bì niêm phong có chữ ký của điều tra viên: Vũ Ngọc H; Giám định viên: Vũ Thị M cùng 05 hình dấu niêm phong của Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công an, có dán băng dính tại các mép dán.

6. 01 (một) bì niêm phong màu trắng, mặt trước bì niêm phong ghi: Thẻ Ngân hàng thu giữ trong két sắt nhà Lưu Ngọc T; mặt phía sau bì niêm phong có chữ ký của Bùi Hải T, Nguyễn Thế C cùng 05 hình dấu niêm phong của Công an xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tại các mép dán của bì niêm phong.

7. 01 (một) bì niêm phong màu trắng, mặt trước bì niêm phong ghi: Mảnh giấy, bật lửa thu giữ trong phòng ngủ Lưu Ngọc T; mặt phía sau bì niêm phong có chữ ký của Bùi Hải Thu, Lưu Quốc H, Nguyễn Thế C cùng 05 hình dấu niêm phong của Công an xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tại các mép dán của bì niêm phong.

8. 01 (một) bì niêm phong màu trắng, mặt trước bì niêm phong ghi: Tang vật thu giữ khi khám xét nhà ở của Lưu Văn T1 ngày 14/5/2019; mặt phía sau bì niêm phong có chữ ký của Lưu Văn T1, Dương Tiến H, Nguyễn Thế C cùng 05 hình dấu niêm phong của Công an xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tại các mép dán của bì niêm phong, ký hiệu M05. Bên trong bì có chứa cân tiểu ly điện tử.

9. 01 sim Viettel bề mặt sim có ghi các dãy số: 8984, 04800, 00281, 55073; 01 sim Viettel bề mặt sim có ghi các dãy số: 8984, 04800, 00343, 77526.

10. 01 card sim Viettel, bề mặt thẻ có ghi số 0862073020 bằng mực màu đen, trong card có chứa 01 thẻ sim Viettel; 01 card sim Viettel bề mặt thẻ có ghi số 0862168202 bằng mực màu đen, trong card có chưa 01 thẻ sim Viettel; 01 card sim Viettel, bề mặt thẻ có ghi số 0862072505 bằng mực màu đen, trong card có chứa 01 thẻ sim Viettel; 01 card sim Viettel, bề mặt thẻ có ghi số 0862073505 bằng mực màu đen; 01 card sim Viettel, bề mặt thẻ có ghi số 0862073606 bằng mực màu đen, trong card có chứa 01 thẻ sim Viettel.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 22/01/2020*).

2.3. Truy thu sung quỹ Nhà nước, xử lý số tiền tạm giữ:

- *Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền do phạm tội mà có của các bị cáo như sau*:

+ Truy thu của bị cáo Trần Thế M 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

+ Truy thu của bị cáo Lưu Ngọc T 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)

+ Truy thu của bị cáo Lưu Văn T1 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng)

- *Về số tiền thu giữ của các bị cáo*:

+ Bị cáo Trần Thế M bị thu giữ 1.000.000 đồng, bị cáo Lưu Ngọc T bị thu giữ 20.480.000 đồng; bị cáo Lưu Văn T1 bị thu giữ 19.150.000 đồng do không có tài liệu chứng minh do phạm tội mà có hoặc sử dụng để phạm tội, nên trả cho các bị cáo nhưng tạm giữ để thi hành án.

(Số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang).

3 Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Thế M, Lưu Ngọc T, Lưu Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo nội dung bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Hữu Việt

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT+Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS + Toà án.